TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 1307/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 706/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: 249/22/10 ấp 7, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Hoàng Thanh S, sinh năm 1977.

Nơi thường trú: 249/22/10 ấp 7, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 08/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ý N trình bày:

Bà N và ông S tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 26/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu, bà N và ông S chung sống hạnh phúc tại nhà của cha mẹ chồng thuộc ấp 7, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, vợ chồng ông bà ra ở nhà riêng cũng tại ấp 7, xã Đ, huyện H. Từ năm 2015 đến nay, giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng. vợ chồng thường hay gây gỗ đánh nhau, chồng xúc phạm danh dự của vợ, hay rượu chè, vợ chồng không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không quan tâm, chăm sóc cho nhau khiến không khí gia đình luôn nặng nề. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Hai vợ chồng không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, bản thân bà N không còn yêu thương, không còn muốn chung sống với ông S. Do đó, Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Võ Hoàng Thanh S.

Về con chung: 02 trẻ tên Võ Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 02/10/2002 và Võ Nguyễn Gia A, sinh ngày 15/8/2007. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ C và trẻ A, bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 08/8/2018, biên bản hòa giải ngày 08/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Võ Hoàng Thanh S trình bày:

Ông S và bà N tự nguyên chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày ngày 26/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chung sống tại nhà cha mẹ địa chỉ: 308B ấp 7, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó thì vợ chồng ra ở riêng tại địa chỉ 249/22/10 ấp 7, xã Đ, huyện H tới nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có gây gỗ với nhau. Tuy nhiên, theo ông nghĩ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng gia đình nào cũng có, hai vợ chồng có thể hòa giải, hàn gắn gia đình được. Ông S mong muốn được đoàn tụ gia đình để hai vợ chồng cùng nhau chăm sóc cho con cái, các con cùng có cha mẹ bên cạnh. Ông S không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ý N.

Về con chung: 02 trẻ tên Võ Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 02/10/2002 và Võ Nguyễn Gia A, sinh ngày 15/8/2007. Do không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà N nên ông S không có ý kiến và yêu cầu đối với con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ý N khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Võ Hoàng Thanh S, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Võ Hoàng Thanh S là bị đơn hiện đang cư trú tại ấp 7, xã Đ, huyện H nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thị Ý N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn Võ Hoàng Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà N và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 253, quyển số 02/2001 ngày 26/12/2001 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ý N và ông Võ Hoàng Thanh S là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông S có mâu thuẫn xảy ra. Vợ chồng không tôn trọng nhau, thường gây gỗ, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bản thân bà N không còn yêu thương, không còn muốn chung sống cùng ông S. Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông S và bà N có thể hàn gắn gia đình, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, cùng nhau tiếp tục chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Ý N vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Võ Hoàng Thanh S. Xét thấy hôn nhân giữa bà N và ông S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ý N là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà N và ông S có 02 con chung tên Võ Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 02/10/2002 và Võ Nguyễn Gia A, sinh ngày 15/8/2007. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy cả hai trẻ có bản tự khai trình bày ý kiến là có nguyện vọng ở cùng với bà N. Để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ý N tạm thời không yêu cầu ông Võ Hoàng Thanh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm : Nguyên đơn Nguyễn Thị Ý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ý N và ông Võ Hoàng Thanh S.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Võ Nguyễn Hoàng C, sinh ngày 02/10/2002 và Võ Nguyễn Gia A, sinh ngày 15/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.2. Bà Nguyễn Thị Ý N tạm thời không yêu cầu ông Võ Hoàng Thanh S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ý N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng do bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018822 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND xã Đ, H. H (Giấy CN kết hôn số 253, quyển số 02/2001 ngày 26/12/2001);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thương